

2. Nguyễn Văn T1, sinh ngày 01/10/1976, tại tỉnh Thái Nguyên; nơi ĐKKHKT: phố Tân Th1, thị trấn Chợ Ch, huyện Định H2, tỉnh Thái Nguyên; chỗ ở: thôn Bản Q, xã Bản Ph, huyện Bảo Th, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Linh Thị C1; có vợ

là Lê Tuyết Nh và có 01 con; tiền sự: Tháng 9/2017, bị Chủ tịch UBND thị trấn Chợ Ch, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản (chưa thi hành quyết định xử phạt); tiền án: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/12/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc T:** Luật sư Đặng Thành Ch1 - Công ty Luật An Ninh, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2004 đến năm 2011, bị cáo Nguyễn Quốc T, là cán bộ Công an huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, sau đó xuất ngũ. Năm 2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 03 năm tù. Đến năm 2017, Nguyễn Quốc T được ra tù trở về địa phương và lên Lào Cai cùng với em họ là Nguyễn Trung Gi tìm kiếm, nhận các đơn hàng cho công nhân bốc xếp, vận chuyển hàng hóa qua biên giới để thu tiền công tại lối mở tiểu ngạch thuộc xã Bản Ph, huyện Bảo Th, tỉnh Lào Cai. Đến khoảng cuối tháng 5, đầu tháng 6/2019 Nguyễn Quốc T đã tự tách ra làm ăn riêng. Ban đầu T thuê 02 ngôi nhà của bà Nguyễn Thị Ch2 để làm chỗ ở và nhà ăn cho T và các công nhân làm thuê. Lúc này có Trần Nhữ Ph, Nguyễn Văn C2 (tên gọi khác là Nguyễn Anh T, T già), Nguyễn Văn T1 (thường gọi là T1 già), Liềng Văn H3 (Hoàng già) và khoảng 20 công nhân khác làm thuê cho T. Sau đó một thời gian thì có Nguyễn Thành Đ, Mai Thanh T3, Lương Anh T4 và một số người khác cũng đến xin làm thuê, trông coi quản lý công nhân cho T. T giao cho Ph nhiệm vụ quản lý và sắp xếp công nhân đi bốc xếp hàng hóa khi có các đơn hàng do T trực tiếp nhận hợp đồng. Nguyễn Văn C2, Nguyễn Văn T1, Liềng Văn H3, Nguyễn Thành Đ được T giao quản lý, trông coi quân củu (làm đầu cánh). Ngay sau khi sang làm cho T, Ph thấy có nhiều công nhân làm thuê sử dụng ma túy và họ thường tự đi mua về sử dụng, Ph nghĩ như vậy dễ bị phát hiện, sẽ không an toàn ảnh hưởng đến công việc của T. Để giữ công nhân làm thuê, nên khoảng đầu tháng 6/2019 (Ph không nhớ ngày), Ph đề xuất với T để cho Ph mua ma túy về chia nhỏ phát cho công nhân sử dụng, tiền sử dụng ma túy sẽ trừ vào tiền công lao động của công nhân. T đồng ý và nói với Ph cứ tự ý mà làm, rồi giao cho Ph có trách nhiệm lo toàn bộ mọi việc cho công nhân, Ph hỏi T cho ứng tiền để mua ma túy, ngay lúc đó T đưa cho Ph số tiền 5.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền của T, Ph đến Bến số 3 thuộc xã Bản Ph, huyện Bảo Th mua hêrôin của một người nam giới tên là H4 (Ph không biết họ tên đầy đủ và địa chỉ), mua được 50 tép (gói) hêrôin của H4 với giá mỗi tép là 100.000 đồng. Sau đó, Ph chia nhỏ các tép ma

túy ra, cứ 02 tép hêrôin vừa mua về Ph đem trộn đều và chia nhỏ thành 03 tép, gói trong các mẫu giấy bạc rồi trực tiếp phát cho công nhân sử dụng, thời điểm này có khoảng hơn 10 công nhân sử dụng ma túy. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T đến phòng ở của Ph, Ph nói số tiền ứng đã mua ma túy hết và xin ứng thêm tiền để mua ma túy và mua sắm đồ dùng cho công nhân, T đưa thêm cho Ph 30.000.000 đồng. Ngày hôm sau, Ph cầm tiền đến gặp H4 mua được 46 tép hêrôin với số tiền 4.600.000 đồng mang về chia nhỏ ra và phát cho công nhân làm thuê sử dụng.

Ph thấy số lượng hêrôin mà H4 cung cấp không đáp ứng được nhu cầu, đồng thời việc mua bán diễn ra tại nơi đông người không đảm bảo an toàn nên Ph không mua của H4 nữa. Sau đó Ph có trao đổi với T, do T và Ph đều có mối quan hệ quen biết với Bùi Văn Kh (thường gọi Kh già, là người hành nghề lái thuyền (đò) nhiều năm chuyên vận chuyển hàng hóa thuê trên sông Nậm Thi, là người nghiện ma túy). T bảo Ph sang gặp Kh già để hỏi mua ma túy. Sau đó Ph đã đến nhờ Kh mua giúp hêrôin, Kh đồng ý và nói giá 1.000.000đồng/01cục nhỏ. Ph đưa cho Kh 2.000.000 đồng để mua hêrôin. Sau khi nhận tiền, Kh đã đi thuyền sang sát biên giới Trung Quốc để mua ma túy của một người đàn ông Trung Quốc. Khi lấy được ma túy, Kh mang đến phòng ở của Ph đưa trực tiếp cho Ph. Mỗi cục hêrôin Ph chia nhỏ được khoảng 35 đến 40 tép. Trong số tiền 30.000.000 đồng T đưa, Ph đã dùng khoảng 2.000.000 đồng mua các đồ dùng cá nhân cho công nhân, số tiền còn lại Ph mua ma túy của H4 hết 4,6 triệu đồng, còn lại là nhờ Kh mua hộ. Cứ cách 01 đến 02 ngày Ph lại nhờ mua một lần, từ 02 đến 03 cục. Sau khoảng 03 tuần, do số công nhân làm thuê phản ánh hêrôin sử dụng bị hao và vụn nên Ph đã nhờ Kh mua hêrôin theo cây, giá mỗi cây là 30.000.000 đồng. Khi nhận ma túy của người Trung Quốc về cây đầu tiên Kh dùng cân điện tử của Kh cân được khoảng 36,5gam, Ph cân thử thì trọng lượng là 35,36gam, sau đó cân thử vài lần thấy khối lượng tương tự như trước nên không cân nữa. Việc giao ma túy cho Ph, có lần tại nơi ở của Kh, có lần tại nơi ở của Ph hoặc để ở các vị trí do Ph dặn. Kh khai mua hộ hêrôin giúp Ph và có một vài lần được Ph cho một cục nhỏ hêrôin để sử dụng, ngoài ra Kh không được hưởng lợi gì. Sau khi mua hêrôin theo dạng cây về, Ph chia nhỏ được khoảng 1.000 tép/01 cây, cứ cách 04 đến 05 ngày Ph lại nhờ Kh mua một cây, vì thời điểm này số lượng công nhân làm thuê cho T tăng lên, số người sử dụng ma túy khoảng hơn 30 người. Ph khai những lần mua ma túy theo cục nhỏ Ph không cân, mà sau khi chuyển sang mua theo cây, cây đầu tiên và có một vài cây sau Ph có dùng cân điện tử của mình cân lại, sau này mua nhiều do tin tưởng nhau nên Ph không cân nữa. Khi sử dụng hết số tiền ứng từ T để mua hêrôin, Ph đã xin ý kiến T cho Ph được sử dụng một phần tiền lấy từ các hợp đồng bốc xếp, vận chuyển hàng hóa của T mà Ph là người đi thu tiền của các chủ hàng để mua ma túy phát cho công nhân sử dụng và trừ tiền công của họ, cứ đến ngày 25 hàng tháng, Ph thanh quyết toán các khoản chi phí cho T, trong đó có cả khoản tiền mua ma túy.

Khoảng tháng 9 và tháng 10/2019, Hoàng Văn Ch2, Nguyễn Đức V, Hoàng Đình D, Nguyễn Tiến Th2, Nguyễn Tiến B đến làm thuê cho T. Ch2 và V được bố trí ở cùng phòng với Ph (phòng số 2), D ở cùng dãy nhà trọ với Ph và T (phòng số 3), còn Th2 và B thì ở cùng với T1, Đ, H3, C2 và khoảng hơn 50 công nhân tại nhà kho thuê của bà Nga. T thỏa thuận trả lương và giao cho Ch2 theo dõi ghi chép sổ sách các thuyền, đồ vận chuyển hàng hóa. V theo dõi ghi chép sổ sách hàng nhập kho, hàng xuất kho. Còn D, Th2, B có nhiệm vụ trông coi quản lý quân cừu (làm đầu cánh).

Quá trình thực hiện việc chia, cắt, phân phát ma túy cho công nhân sử dụng, Ph đã nhờ Ch2 và V giúp Ph cắt giấy bạc, chia ma túy, lấy ma túy hoặc chỉ chỗ cất giấu ma túy cho các đầu cánh được giao lấy ma túy mang về phát cho công nhân sử dụng. Ph thông báo cho công nhân mỗi tốp hêrôin có giá là 70.000 đồng và tiền sử dụng hêrôin sẽ được trừ vào tiền công lao động của họ. Mỗi ngày công nhân được phát hêrôin cho sử dụng 03 lần vào các khung giờ: 10 giờ, 16 giờ, 22 giờ, nếu có hàng hóa bốc dỡ thông đêm đến sáng thì được phát thêm cho công nhân sử dụng 01 lần nữa vào khoảng thời gian từ 03 đến 04 giờ sáng. Để giữ công nhân lao động, những ngày không có hàng hóa bốc xếp, vận chuyển, Ph vẫn phát hêrôin sử dụng 02 lần mỗi ngày vào các khung giờ: 10 giờ, 16 giờ. Thời gian đầu Ph trực tiếp phát hêrôin cho công nhân sử dụng, sau đó giao cho những đầu cánh quản lý quân cừu làm thuê cho T gồm: H3, T1, C2, Đ, Th2, D... đến nhận hêrôin từ Ph mang về phát cho công nhân sử dụng. Địa điểm phát hêrôin diễn ra tại chỗ ở của các công nhân khi công nhân ở nhà, còn khi công nhân đi làm thì phát tại các bến bãi nơi bốc xếp, vận chuyển hàng hóa.

Do số lượng công việc bốc xếp hàng hóa nhiều và số công nhân làm thuê tăng lên, T thuê thêm nhà kho của bà Đặng Thị Nga, thuộc thôn Bản Q, xã Bản Ph, huyện Bảo Th, tỉnh Lào Cai để làm chỗ ở cho công nhân và các đầu cánh trông coi quản lý công nhân. Còn T cùng vợ là Thào Thị Diễm H1, Ph, V, Ch2, D và một số người giúp việc cho T cùng với một số công nhân cừu vận vẫn ở tại 02 ngôi nhà mà T thuê của bà Ch2 từ trước. T đã thuê ông Nguyễn Đức Hào (chú ruột của T) hàng ngày đi chợ, nấu ăn cho tất cả các công nhân cừu vận, những người giúp việc và các đầu cánh quản lý. Để hoạt động cai cừu bốc xếp, vận chuyển hàng hóa được thuận lợi và tiếp tục thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, cũng trong khoảng tháng 10/2019, T có họp với Ph, C2, H3, Đ cùng một số người khác tại phòng ở của Ph và thống nhất cho C2, H3, T1 được sử dụng ma túy nhiều hơn những công nhân nghiện ma túy khác là 01 tốp hêrôin mỗi ngày để đảm bảo sức khỏe trông coi, quản lý công nhân. Trong cuộc họp này, T đã giao Đ là người đến gặp Ph để lấy hêrôin về đưa cho H3 phát cho công nhân sử dụng. Ngoài ra, trong một lần gặp Ch2 tại phòng ở, T đã bảo Ch2 giúp đỡ Ph lấy ma túy đưa cho các đầu cánh khi Ph có việc bận.

Trong thời gian khoảng tháng 11/2019, để quản lý, theo dõi công nhân trong việc ăn ở, sinh hoạt, T đã bảo Ph lắp camera giám sát công nhân. Cơ quan điều tra đã thu giữ, qua kiểm tra còn lưu giữ nhiều hình ảnh liên quan đến việc cấp phát ma túy cho công nhân sử dụng. Ngày 04/11/2019 do hết tiền, Ph bảo T đưa tiền để mua ma túy cho công nhân sử dụng, T bảo hết tiền do chưa đòi được tiền nợ từ các chủ hàng, vì thế đến sáng ngày 05/11/2019 T nhắn tin hỏi Ph “*thế nhà mình cái kia còn đến chiều không*”, Ph hiểu cái kia là ma túy, nhắn lại “*Đủ bữa trưa*”, T tiếp tục nhắn tin cho Ph “*bảo Kh già cho mượn*”, vì T biết Ph lấy ma túy của Kh già. Sau đó, Ph đã sang chỗ ở của Kh hỏi vay mượn được 01gam hêrôin mang về chia nhỏ phát cho công nhân sử dụng (cả Kh và Ph cùng cân kiểm tra khối lượng ma túy vay mượn là 01gam). Khoảng 01 đến 02 ngày sau Ph tiếp tục nhờ Kh mua hộ 01 cây hêrôin, khi Kh mang hêrôin đến đưa cho Ph, tại nhà vệ sinh dãy nhà trọ của Ph (nơi Ph thường chia ma túy), Ph đã cắt và cân trả cho Kh 01gam hêrôin đã vay của Kh.

Lần cuối cùng Ph nhờ Kh mua hêrôin vào buổi sáng ngày 23/12/2019, Ph mang 30.000.000 đồng đến chỗ ở của Kh nhờ mua 01 cây hêrôin. Đến trưa cùng ngày, Kh đã mua được hêrôin và mang đến phòng ở của Ph đưa cho Ph. Sau đó Ph đã chia nhỏ một phần được khoảng 200 tép và gói vào các mẫu giấy bạc đủ số lượng tép hêrôin cho công nhân sử dụng mỗi lần, một số gói cất ở trong chiếc giấy để tại hiên trước cửa phòng ở của Ph, phần còn lại là 27 tép hêrôin đã chia và một cục hêrôin chưa chia thành tép, Ph cất trong một chiếc hộp nhựa giấu ở phía sau tường nhà vệ sinh dãy nhà trọ Ph và mọi người ở. Sáng ngày 24/12/2019, Ph đã đưa 40 tép hêrôin cho Nguyễn Văn T1 để T1 đưa cho 19 công nhân đi bốc xếp hàng hóa sử dụng vào buổi sáng và buổi chiều cùng ngày tại kho H4 Th2 và đưa hêrôin cho H3 phát cho số công nhân còn ở lại nhà kho sử dụng. Đến buổi trưa cùng ngày, Ph có việc về nhà tại xã An Bình, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, trước khi đi Ph dặn V, Ch2 ở nhà lo “*cơm cháo*” cho quân cứu, tức lấy giúp ma túy đưa cho các đầu cánh mang về phát cho công nhân sử dụng khi Ph đi vắng. Chiều cùng ngày V gọi điện cho Đ bảo đến khu vực nhà ở của T lấy hêrôin phát cho công nhân (Đ biết chỗ Ph cất giấu), Đ đã lấy khoảng 30 tép về đưa H3 phát cho công nhân.

Khoảng 10 giờ sáng ngày 25/12/2019, Nguyễn Tiến Th2 đến chỗ ở của Ph để lấy ma túy phát cho công nhân, lúc này có V và Ch2 đang ở phòng, V bảo Ch2 lấy ma túy đưa cho Th2, ngay lúc đó Ch2 đã lấy khoảng 30 tép hêrôin đưa cho Th2. Sau khi Th2 lấy được ma túy về đang phát cho công nhân thì bị phát hiện bắt quả tang, lúc này có một số công nhân đã sử dụng ma túy, một số công nhân và Th2 đang cầm các tép hêrôin chưa kịp sử dụng. Khi thấy Th2 bị bắt, Ch2 đã chạy ra phía sau nhà vệ sinh tại dãy phòng trọ cầm số ma túy mà Ph cất giấu trước đó (27 tép và một cục hêrôin, tổng khối lượng 27,06gam) ném ra khu vực cách nhà vệ sinh khoảng 05 mét. Khi bị bắt quả tang tại kho hàng gồm có 56 công nhân cứu vãn, trong đó 49 người sử dụng ma túy. Trong số những

người bị bắt này có khoảng hơn 10 người vào làm thuê cho T từ khi T mới bắt đầu tách ra, còn lại là đến vào các thời gian sau. Có một số người trực tiếp đến gặp T xin vào làm việc và được T thỏa thuận nuôi ăn, ở, sử dụng ma túy. Còn một số người thì do những người quản lý giúp việc của T hoặc các đầu cánh đưa đến làm thuê cho T. Những công nhân cử vạ này đều khai nhận làm thuê cho Nguyễn Quốc T, có sử dụng ma túy và đều được cấp phát ma túy để sử dụng tại kho hàng đang ở hoặc tại nơi bốc xếp hàng hóa (bến bãi), ngày được phát ma túy 03 lần vào các giờ 10 giờ, 16 giờ, 22 giờ và nếu làm thông đêm thì được phát thêm một lần khoảng 3 đến 4 giờ sáng, những ngày không có việc cũng được phát ma túy sử dụng 02 lần, hình thức sử dụng là tiêm, chích. Hàng ngày được các đầu cánh quản lý là H3, T1, C2, Đ, Th2, D, B phát ma túy cho sử dụng, số tiền sử dụng ma túy được trừ vào tiền công lao động và cũng không biết số tiền công lao động sau khi đã sử dụng ma túy rồi còn bao nhiêu, vì nhiều công nhân từ khi vào làm thuê cho T đến khi bị bắt chưa được thanh toán tiền công lao động theo thỏa thuận, không có bảng chấm công, không có hợp đồng lao động. Quá trình làm thuê cho T bị quản lý rất chặt chẽ, khi về đến nơi ở không được đi đâu, nếu đi phải được sự đồng ý của các đầu cánh quản lý.

Cơ quan điều tra đã thu giữ toàn bộ số ma túy và một số vật chứng khác tại nhà kho nơi các công nhân ở. Khám xét khẩn cấp tại nơi ở của Nguyễn Quốc T, cơ quan điều tra đã thu giữ súng, đạn, kiếm, dao, gậy, tuýp sắt, ma túy và một số vật chứng khác.

Kết luận giám định số 28 ngày 02/01/2020, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai, kết luận:

- Khối lượng hêrôin thu giữ khi bắt quả tang là 0,38gam, cụ thể: 09 (chín) gói giấy bạc thu của Nguyễn Tiến Th2 (trong đó có 02 gói không chứa gì, 07 gói có khối lượng 0,19gam, gói nhỏ nhất là 0,01gam, gói lớn nhất là 0,04gam); 02 gói thu của Tao Văn B1 có khối lượng 0,06gam (gói nhỏ nhất 0,01gam, gói lớn nhất 0,05gam); 01 gói thu của Lương Văn T2 có khối lượng 0,02gam; 01 gói thu của Cà Văn H5 có khối lượng 0,02gam; 01 gói thu của Bùi Thế V có khối lượng 0,03gam; 01 gói và 01 xi lanh chứa chất bột khô màu trắng thu của Nguyễn Văn C2 (Nguyễn Anh T) có khối lượng là 0,06gam.

- Khối lượng hêrôin thu giữ khi khám xét là 27,64gam, cụ thể: Thu tại phòng số 2: 0,28gam. Thu tại phòng số 4: 0,13gam. Thu tại phòng số 5: 0,17gam. Thu tại phía sau nhà vệ sinh: 27,06gam.

- Tổng khối lượng herôine trong các mẫu giám định là: 28,02 (hai mươi tám phẩy không hai) gam.

- Chất nhựa dẻo màu đen là nhựa thuốc phiện có khối lượng 28,53 (hai mươi tám phẩy năm mươi ba) gam.

Kết luận giám định số 7864 ngày 31/12/2019, của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: 01 (một) vật vỏ bằng kim loại màu xanh, dạng mỏ vịt, gửi

đến giám định là mô hình lựu đạn, do Việt Nam sản xuất dùng trong huấn luyện quân sự. Mô hình lựu đạn này không có tác dụng gây nổ vì không có kíp nổ và thuốc nổ. Đối chiếu với mục đ khoản 2 Điều 3 của Luật số 14/2017/QH14 của Quốc hội về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ thì mô hình lựu đạn này không thuộc vũ khí quân dụng.

Kết luận giám định số 7842 ngày 17/01/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

- 01 (một) khẩu súng bằng kim loại màu đen dài 15,8cm (ký hiệu M1) là súng ROHM RG 88 cỡ nòng 9mm bắn đạn đầu cao su, hơi cay cỡ 9mm, 04 viên đạn dưới đáy có vỏ đạn có số 13 2016 là đạn đầu cao su cỡ 9mm và 08 viên dưới đáy vỏ đạn ký hiệu WADIE 9mm PACS là đạn hơi cay cỡ 9mm. Khẩu súng và 12 viên đạn nêu trên thuộc công cụ hỗ trợ, không phải vũ khí quân dụng và không có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng.

- 01 (một) khẩu súng màu đen dài 16cm (ký hiệu M2), trên thân súng có ký hiệu K17 là súng hơi nén bắn đạn bi, thuộc đồ chơi nguy hiểm bị cấm, không phải vũ khí quân dụng và không có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng.

- 01 (một) vật dạng khẩu súng dài 68cm (ký hiệu M3) là ná bắn bi, mũi tên, thuộc đồ chơi nguy hiểm bị cấm, không phải vũ khí quân dụng.

- 01 (một) khẩu súng dài 110cm (ký hiệu M4), trên thân súng không có số, ký hiệu là súng hơi tự chế, thuộc súng săn, không phải vũ khí quân dụng (BL 373 đến 374).

Cáo trạng số 36/CT-VKS-P1 ngày 03/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo Nguyễn Quốc T, Trần Nhữ Ph, Bùi Văn Kh về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự; các bị cáo Hoàng Văn Ch2, Nguyễn Đức V, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Văn C2, Nguyễn Văn T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Tiến Th2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2020/HS-ST ngày 12/11/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quốc T, Nguyễn Văn T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 18 (Mười tám) năm tù. Thời hạn chấp hành án được tính từ ngày bị bắt tạm giữ 27/12/2019; Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Quốc T 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu năm trăm nghìn đồng*) nộp Ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 09 (Chín) năm tù. Thời hạn chấp hành án được tính từ ngày bị bắt tạm giữ 25/12/2019.

Ngoài ra, bản án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/11/2020, bị cáo Nguyễn Văn T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 26/11/2020, bị cáo Nguyễn Quốc T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Sau đó, ngày 19/4/2021 bị cáo Nguyễn Quốc T có đơn thay đổi nội dung kháng cáo từ xin giảm nhẹ hình phạt sang kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị cáo Nguyễn Văn T1 thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Quốc T vẫn giữ nội dung kháng cáo kêu oan và cho rằng bị cáo không thực hiện hành vi mua bán ma túy, không chỉ đạo Ph và cũng không được hưởng lợi, bị cáo chỉ thừa nhận có sự lơ là trong việc quản lý công nhân chứ bị cáo không chỉ đạo hay trực tiếp nói Ph mua bán ma túy cho công nhân sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Quốc T, Nguyễn Văn T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Bị cáo T kháng cáo kêu oan là không có căn cứ chấp nhận. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo T1 xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ gia đình có công với cách mạng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo T1 và giảm cho bị cáo T1 từ 06 tháng đến 01 năm tù.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc T có quan điểm: Bị cáo T không trực tiếp giải quyết bất cứ việc gì với công nhân mà giao cho Ph là đầu cánh giải quyết; bị cáo không ứng tiền cho Ph đi mua ma túy cho công nhân sử dụng, bị cáo cũng không chỉ đạo Ph sang gặp Kh già để mua ma túy. Do đó hành vi Ph dùng tiền T đưa để mua ma túy phát cho công nhân sử dụng là hành vi tự phát của Ph, T không biết và không chỉ đạo Ph. Lời khai của T, Ph cũng như các bị cáo khác trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm còn nhiều mâu thuẫn. Do đó luật sư đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 73, Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự, hủy Bản án sơ thẩm để điều tra xác định lại hành vi của T có phải là chủ mưu trong vụ án mua bán trái phép chất ma túy hay không hay chỉ là hành vi không tố giác tội phạm hoặc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Tại phần đối đáp đại diện Viện kiểm sát và luật sư giữ nguyên quan điểm như ở phần tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Văn T1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo Nguyễn Quốc T đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại, xử bị cáo ở tội danh khác thấp hơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Quốc T, Nguyễn Văn T1 làm trong hạn luật định là hợp lệ được chấp nhận để xem xét tại cấp phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù bị cáo Nguyễn Quốc T không thừa nhận hành vi phạm tội và cho rằng bị cáo chỉ đưa tiền cho Trần Nhữ Ph để lo ăn ở cho công nhân, chứ không đưa tiền cho Ph đi mua ma túy và không biết việc Ph mua ma túy về phát cho công nhân của mình sử dụng và trừ vào tiền công lao động. Bị cáo T không thừa nhận là người trực tiếp thỏa thuận với các đầu cánh quản lý và các công nhân cử vạ sử dụng ma túy về tiền công lao động và tiền sử dụng ma túy. Tuy nhiên căn cứ những lời khai của chính bị cáo trước khi bị khởi tố bị can, T đã khai nhận: sau khi tách ra làm riêng từ Nguyễn Trung Gi, T biết có một số công nhân nghiện ma túy và họ mua ma túy của Bùi Văn Kh nên khi Trần Nhữ Ph đề xuất việc mua ma túy về phát cho công nhân sử dụng, trừ tiền sử dụng ma túy vào tiền công lao động của công nhân, T đã đồng ý bảo Ph cứ tùy ý mà làm và giao cho Ph lo toàn bộ mọi việc liên quan đến công nhân (trong đó có việc lo ma túy cho công nhân sử dụng). Ngay khi Ph đề xuất ứng tiền đi mua ma túy cho công nhân sử dụng, T đã đưa cho Ph 5.000.000 đồng, đến tối cùng ngày Ph hỏi ứng tiền, T lại đưa tiếp cho Ph 30.000.000 đồng và T biết Ph mua ma túy của Kh già. Lời khai của bị cáo T trước khi bị khởi tố hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án, phù hợp với lời khai của những người làm chứng là các công nhân làm thuê cho T. Ngoài ra, những tin nhắn giữa T và Ph được cơ quan điều tra tìm thấy khi kiểm tra điện thoại của Ph cũng có nội dung thể hiện việc T và Ph trao đổi liên quan đến hành vi mua bán trái phép ma túy. Bị cáo Nguyễn Văn T1 chỉ khai nhận ma túy để sử dụng cho bản thân, không nhận ma túy để phân phát cho công nhân. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo Trần Nhữ Ph, Bùi Văn Kh, Hoàng Văn Ch2, Nguyễn Đức V, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Văn C2, Nguyễn Tiến Th2 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng

thời gian từ cuối tháng 5 đầu tháng 6/2019 đến ngày 25/12/2019, Nguyễn Quốc T đã đồng ý với đề xuất của Trần Nhữ Ph và chỉ đạo Ph mua ma túy về phát cho công nhân sử dụng trừ vào tiền công. Ph đã nhiều lần nhờ Kh mua hộ hêrôin và có lần vay hêrôin của Kh. Khi nhờ Kh mua được ma túy, Ph đã trực tiếp sử dụng các dụng cụ chia nhỏ ra thành từng tép (gói), mục đích để phát cho các công nhân làm thuê của T sử dụng và trừ trực tiếp vào tiền công lao động của công nhân. Quá trình thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, Ph đã nhờ Ch2, V giúp Ph cất giấy bạc, chia ma túy, lấy ma túy hoặc chỉ chỗ cất giấu ma túy cho các đầu cánh được giao đến lấy ma túy mang về phát cho công nhân sử dụng. Ph đã nhiều lần giao ma túy cho H3, T1, C2, Đ, Th2 phát cho công nhân sử dụng tại nơi ở của công nhân và tại các bến bãi bốc xếp hàng hóa. Ngày 24/12/2019, khi Ph đi vắng đã giao cho V và Ch2 ở nhà lấy ma túy đưa cho các đầu cánh phát cho công nhân sử dụng. Khoảng 10 giờ sáng ngày 25/12/2019, Nguyễn Tiến Th2 đến nơi ở của T gặp V và Ch2 lấy ma túy, V bảo Ch2 lấy khoảng 30 tép hêrôin đưa cho Th2, khi Th2 mang về nhà kho nơi ở của công nhân đang phát cho từng công nhân để sử dụng thì bị Công an tỉnh Lào Cai bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Về khối lượng ma túy: Do các bị cáo không xác định được cụ thể số lượng cây hêrôin và từng lần Ph nhờ Kh mua, khi cân thì cả Ph và Kh đều tự cân bằng cân điện tử riêng của mình, không thông báo cho nhau nên không xác định được khối lượng toàn bộ những lần mua bán. Do vậy, chỉ xác định được cây hêrôin lần đầu Ph nhờ Kh mua có khối lượng là 35,36gam (theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo) và xác định được lần cuối cùng vào sáng ngày 23/12/2019, Ph nhờ Kh mua 01 cây hêrôin về chia nhỏ khoảng 200 tép, trong đó đã phát vào ngày 24/12/2019 và sáng ngày 25/12/2019, số còn lại chưa phát cho công nhân sử dụng là 27,39gam thu giữ khi khám xét. Ngoài ra, còn xác định được ngày 05/11/2019 Ph đã vay của Bùi Văn Kh 01gam hêrôin. Áp dụng nguyên tắc có lợi cho các bị cáo, cần buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng hêrôin như sau: Đối với các bị cáo T, Ph và Kh: phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khối lượng hêrôin mua lần đầu, lần cuối và lần vay 01gam của Kh. Xác định lần đầu và lần cuối Ph nhờ Kh mua là 02 cây hêrôin, mỗi cây có khối lượng là 35,36gam x 02cây = 70,72gam và khối lượng vay của Kh ngày 05/11/2019 là 01gam, tổng khối lượng là 71,72gam hêrôin. Đối với Nguyễn Văn T1 phải chịu trách nhiệm về khối lượng ma túy đã nhận và phát, cụ thể: 04 lần T1 nhận ma túy từ Ph, lần lượt là 20 tép, 50 tép, 20 tép, 40 tép hêrôin; 01 lần nhận ma túy từ Ch2 là 20 tép hêrôin. Áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, lấy gói có khối lượng nhỏ nhất để làm căn cứ tính, xác định Nguyễn Văn T1 phải chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng ma túy là: 150tép (gói) x 0,01gam = 1,5gam hêrôin. Ngoài ra, còn xác định khối lượng ma túy đối với từng bị cáo khác như bản án sơ thẩm đã xác định.

Hành vi của các bị cáo là rất nghiêm trọng, không chỉ xâm phạm chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của nhà nước, gây mất trật tự trị an địa

phương, gây hoang mang bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến an ninh chính trị tại khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc mà còn là nguyên nhân gây ra các tai, tệ nạn xã hội khác.

Do có hành vi nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai đã truy tố và Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã xét xử Nguyễn Quốc T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự, bị cáo Nguyễn Văn T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Quốc T, Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo cho rằng chỉ đưa tiền cho Ph để lo cho công nhân, không đưa tiền cho Ph đi mua ma túy và không biết việc Ph phát ma túy cho công nhân của mình sử dụng trừ vào tiền công lao động. Bị cáo T không thừa nhận là người trực tiếp thỏa thuận với các đầu cánh quản lý và các công nhân cử vạ sử dụng ma túy về tiền công lao động và tiền sử dụng ma túy; tuy nhiên như phân tích ở trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T mức án 18 năm tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, vai trò, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Quốc T cũng như luận cứ bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo T đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn T1, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 09 năm tù là phù hợp, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T1 thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ gia đình có công với cách mạng, do đó xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Quốc T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc T; Giữ nguyên

quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2020/HS-ST ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đối với bị cáo Nguyễn Quốc T

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T1; sửa quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2020/HS-ST ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đối với bị cáo Nguyễn Văn T1, như sau:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Quốc T, Nguyễn Văn T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 27/12/2019. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Quốc T 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 25/12/2019.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Quốc T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T1 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- Công an tỉnh Lào Cai;
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- TTG - Công an tỉnh Lào Cai;
- Các bị cáo (qua trại);
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

Ngô Tự Học